

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THÀNH PHỐ HUẾ
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN PHÚ VANG

Số: 107/TB-CCTHADS

Mẫu số: D21-THADS
(Ban hành theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày
14/8/2023 của Bộ Tư pháp)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Vang, ngày 14 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 98 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án số 120/2024/DS-ST ngày 25 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 83/QĐ-CCTHADS ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 128/QĐ-CCTHADS ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 01/QĐ-CCTHADS ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang;

Căn cứ Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang;

Do đương sự không thỏa thuận được về giá và không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang, địa chỉ: số 40 đường Nguyễn Đức Xuyên, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, thành phố Huế cần lựa chọn tổ chức thẩm định giá để ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá các tài sản đã kê biên để bảo đảm thi hành án, như sau:

1. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 214, tờ bản đồ số 56, diện tích 288,0 m², tọa lạc tại: Tổ dân phố Hòa Tây, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, thành phố Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 352874 số vào sổ cấp GCN: CS01462 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 07/01/2020, đăng ký biến động ngày 09/9/2022 đứng tên ông Lê Quốc Việt (Bản vẽ hiện trạng nhà đất số 526, ngày 12/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Vang).

2. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 215, tờ bản đồ số 56, diện tích: 234,0 m², tọa lạc tại: TDP Hòa Tây, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 352871; số vào sổ cấp GCN: CS01463 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 07/01/2020, đăng ký biến động ngày 19/8/2022 đứng tên ông Lê Quốc Việt



(Bản vẽ hiện trạng nhà đất số 525, ngày 12/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Vang).

Vậy, thông báo để các tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế biết, đăng ký.

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá; hồ sơ năng lực (Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; dịch vụ Công ty cung cấp; mô hình, quy trình thực hiện; nhân sự, giấy tờ pháp lý; dự án tiêu biểu....) và các tài liệu khác có liên quan.

- Tổ chức thẩm định giá cung cấp bản chính hoặc sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành. Cơ quan THADS không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức thẩm định giá tài sản không được lựa chọn.

Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 14 tháng 4 năm 2025 đến hết ngày 16 tháng 4 năm 2025.

Hình thức nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang.

Địa chỉ nộp hồ sơ: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang, địa chỉ: số 40 đường Nguyễn Đức Xuyên, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, thành phố Huế.

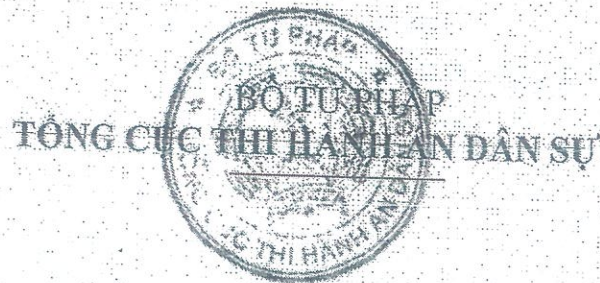
Nơi nhận:

- Trang TTĐT Cục THADS thành phố Huế;
- Đường sự;
- Viện KSND huyện Phú Vang;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Đỗ Hữu Phước



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2020

PHỤ LỤC 1
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN
(Ban hành kèm theo Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án)
Tiêu chí có dấu (*) là tiêu chí bắt buộc cần đạt được

STT	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG		100		
I	Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)*		15		
1	Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản	<i>Có 02 chi nhánh trở lên</i>	5		- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
		Chỉ có 01 chi nhánh	4		
		Không có chi nhánh	3		
2	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ	<i>Trên 07 thẩm định viên</i>	5		
		Từ 05 đến 07 thẩm định viên	4		

	Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề.	Dưới 05 thẩm định viên	3		- Thông báo của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản hàng năm.
3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá	<i>Trên 05 năm</i>	05		
		Từ 03 đến 05 năm	5		
		Dưới 03 năm	4		
II	Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)		60		
1	Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo Thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá.	<i>Trên 30 hồ sơ</i>	15		
		Từ 20 đến 30 hồ sơ	14		
		Dưới 20 hồ sơ	13		
2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá	<i>Không bị xử phạt vi phạm hành chính</i>	10		
		Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính	9		
		Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khắc phục xong	8		
		Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính	0		

3	Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá	<i>Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.</i>	5		
		Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	4		
		Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	3		
4	Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá	<i>Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình.</i>	10		
		Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc	9		
		Trên 05 ngày làm việc	8		
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá	Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu	10		
		Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu	9		
		Không có phần mềm	0		
6	Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố	Từ 80 điểm trở lên	10		
		Từ 70 đến dưới 80 điểm	9		
		Từ 60 đến dưới 70 điểm	8		
III	Năng lực tài chính		15		

1	Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty		5		
2	Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây	<i>Thấp nhất trong số các hồ sơ đăng ký</i>	5		
		Thấp thứ 2	4		
		Thấp thứ 3	3		
		Thấp thứ 4	2		
		Thấp thứ 5 trở đi	1		
3	Doanh thu bình quân từ dịch vụ Thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất	Trên 5 tỷ/năm	5		
		Từ 3- 5 tỷ/năm	4		
		Từ 1-3 tỷ/năm	3		
		Dưới 1 tỷ/năm	2		
IV	Tiêu chí khác (doanh nghiệp mới khởi nghiệp; vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương;)		10		

Lưu ý: Đối với mục V “tiêu chí khác”, căn cứ khung tiêu chí này, Cục trưởng Cục THADS xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm xây dựng tiêu chí cụ thể cho việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng loại tài sản, đặc thù từng địa phương (nếu có).